

Bản án số: 240/2018/DS-PT
Ngày: 29-6-2018
V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**.

Các thẩm phán: Ông **Huỳnh Hiếu**.

Bà **Trần Thị Thu Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2018/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Huỳnh Thị Nguyệt M1**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Trung H1**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ **Lê Văn H2**, sinh năm 1973 (có mặt)

2/ **Huỳnh Thị M2**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Trung H1**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Lê Văn H2, sinh năm 1973.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, anh Nguyễn Trung H1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Thị Nguyệt M1 trình bày:

Bà Huỳnh Thị Nguyệt M1 là chủ cửa hàng mua bán thức ăn chăn nuôi. Vào năm 2014, chị M1 và anh Lê Văn H2 có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi. Hai bên không có làm hợp đồng mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Theo đó, chị M1 bán cho anh H2 100 bao thức ăn đầu tiên không tính lãi. Bà M1 chỉ tính lãi kể từ bao thức ăn thứ 101 trở về sau. Sau mỗi đợt bán heo (thời gian khoảng 4 tháng), ông H2 phải trả tiền mà đợt heo đó ăn cho bà M1, còn 100 bao thức ăn gói đầu thì bà M1 cho ông H2 nợ lại. Nhưng khi hai bên chấm dứt không thực hiện hợp đồng thì ông H2 phải trả tiền 100 bao thức ăn gói đầu cho bà M1. Hai bên đã thực hiện hợp đồng đến ngày 23/7/2016 thì ngưng không thực hiện hợp đồng nữa do phía ông H2 bán heo xong nhưng trả tiền cho bà M1 rất ít. Đến ngày 23/7/2016, ông H2 nợ bà M1 số tiền là 134.931.000 đồng. Từ sau ngày 23/7/2016 đến nay, anh H2 đã trả cho bà M1 20.000.000 đồng và còn nợ bà M1 114.931.000 đồng. Do bà Huỳnh Thị M2 là vợ ông H2, ông H2 mua thức ăn chăn nuôi để chăn nuôi heo phục vụ cho kinh tế chung của gia đình nên bà M1 yêu cầu ông H2 và bà M2 trả cho bà số tiền 114.931.000 đồng, trả đủ một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông Lê Văn H2 trình bày:

Ông có mua thức ăn chăn nuôi của đại lý thức ăn chăn nuôi Nguyệt M1 nhưng ông không có thỏa thuận mua bán với bà M1 mà ông trực tiếp thỏa thuận với ông Nguyễn Trung H1 là chồng của bà M1. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, ông H1 (chồng bà M1) bán cho ông 100 bao thức ăn đầu tiên không tính lãi và không ấn định thời gian trả tiền gốc. Sau khi heo ăn hết 100 bao thức ăn thì ông H1 cho ông được trả tiền cho đại lý thức ăn chăn nuôi cũ trước rồi tiếp đến ông H1 bán thức ăn chăn nuôi cho ông thì ông mới trả tiền cho đại lý thức ăn của bà M1. Ông H1 không quy định, mỗi lần ông phải trả cho ông H1 bao nhiêu tiền và không quy định thời hạn thanh toán là khi nào. Ông và ông H1 bắt đầu thực hiện hợp đồng từ năm 2014 đến tháng 7 năm 2016 thì ngưng không thực hiện hợp đồng nữa. Vào ngày 01/12/2017, ông có trả cho ông H1 số tiền 10.000.000 đồng. Ông còn nợ ông H1 số tiền là 114.931.000 đồng. Bà M1 yêu cầu ông trả số tiền 114.931.000 đồng làm một lần thì ông không có khả năng trả. Ông chỉ đồng ý trả cho bà M1 và ông H1 số tiền trên từ từ theo mỗi đợt bán heo, nếu đại lý thức ăn muốn đòi thì vô nhà bắt heo để trừ nợ.

* Bị đơn Huỳnh Thị M2 trình bày: Lúc đầu, đại lý thức ăn thỏa thuận mua bán thức ăn với ông Lê Văn H2 (chồng của bà) không có thỏa thuận với bà nên bà không có liên quan đến việc mua bán thức ăn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H1 trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị Nguyệt M1. Vào tháng 02 năm 2014, ông có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông Lê Văn H2. Trong quá trình mua bán, ông sẽ bán gói đầu cho ông H2 100 bao thức ăn không tính lãi, đến bao thức ăn thứ 101 ông H2 phải chịu lãi suất 1.000đồng/bao thức ăn. Một chu kỳ nuôi heo thịt khoảng 04 tháng, ông H2 phải trả tiền vốn và lãi tương ứng với 04 tháng ông cung cấp thức ăn cho ông H2, trừ 100 bao thức ăn gói đầu. Trong quá trình mua bán, ông H2 có trả tiền cho ông nhưng trả ít. Đến ngày 23/7/2016, ông không bán thức ăn cho ông H2 nữa do ông H2 nợ ông nhiều nhưng ông H2 lại trả rất ít. Đến ngày hai bên tổng kết nợ, ông H2 nợ đại lý thức ăn số tiền 134.931.000 đồng. Từ khi tổng kết nợ, ông H2 đã trả cho ông 20.000.000 đồng và còn nợ lại 114.931.000 đồng.

Bản án số 80/2018/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quyết định: Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 438 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nguyệt M1 đối với số tiền 10.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nguyệt M1.

Buộc ông Lê Văn H2 và bà Huỳnh Thị M2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Nguyệt M1 số tiền 114.931.000 đồng. Thời gian trả tiền được thực hiện làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/3/2018 ông Lê Văn H2 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông được trả cho nguyên đơn mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vì hiện tại hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn, không có khả năng trả đủ một lần cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn H2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.931.000đồng tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ, do sau khi xét xử sơ thẩm thì phía bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 14.000.000đồng, còn nợ lại 100.931.000đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành

đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Riêng đối với bà Huỳnh Thị M2 đã được tòa triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử phúc thẩm lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày thống nhất số nợ mà bị đơn còn thiếu nguyên đơn là 114.931.000đồng. Bản án sơ thẩm đã xét xử buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử phúc thẩm bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 14.000.000đồng, còn nợ lại 100.931.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Cho nên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Văn H2. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 14.000.000đồng, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.931.000đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 100.931.000đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H2, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với bà Huỳnh Thị M2 đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham dự phiên tòa phúc thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M2 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày thống nhất như sau: Bà Huỳnh Thị Nguyệt M1 là chủ đại lý bán thức ăn chăn nuôi, vợ chồng anh Lê Văn H2 và Huỳnh Thị M2 có mua thức ăn chăn nuôi của bà M1 nhiều lần từ năm 2014 đến tháng 7 năm 2016, vợ chồng anh H2 còn nợ lại bà M1 số tiền 134.931.000đồng. Sau đó vợ chồng anh H2 trả được 20.000.000đồng, còn nợ lại 114.931.000đồng. Bà M1 yêu cầu vợ chồng anh Văn H2 trả một lần số tiền 114.931.000đồng. Vợ chồng anh Văn H2 cũng thừa nhận còn nợ bà M1 số tiền trên, nhưng cho rằng hiện hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần vào mỗi kỳ bán heo, bà M1 thì không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Lê Văn H2 đề nghị xin trả dần số tiền mua bán còn thiếu cho Bà M1. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H2 là không có cơ sở, không được Tòa án chấp nhận. Bởi lẽ giao dịch mua bán giữa bà M1 và ông Lê Văn H2 đã thật sự phát sinh. Sau khi kết thúc mua bán thì ông Lê Văn H2 còn nợ lại 114.931.000đồng, đáng lẽ ra vợ chồng ông Lê Văn H2 phải có nghĩa vụ giao trả đầy đủ cho bà M1 sau khi ngưng mua bán, nhưng kéo dài mãi đến nay vẫn chưa thanh toán, sau khi xét xử sơ

thẩm chỉ trả được 14.000.000đồng nay lại xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi xong nợ là gây thiệt thòi đến quyền lợi cho bà M1, không được bà M1 đồng ý cho trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng. Xét nội dung bản án sơ thẩm buộc anh Văn H2, chị M2 có nghĩa vụ trả cho bà M1 một lần với số tiền 114.931.000đồng là có căn cứ đúng pháp luật. Cho nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H2. Tuy nhiên, sau khi xét xử phúc thẩm thì ông Lê Văn H2 trả cho bà M1 14.000.000đồng, nên sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét lời đề nghị của Vị Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm, nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 228, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 438 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H2 về việc xin trả dần tiền nợ mua ban thức ăn và xin bỏ tiền lãi phát sinh.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 80/2018/DS-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nguyệt M1 đối với số tiền 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nguyệt M1.

Buộc ông Lê Văn H2 và bà Huỳnh Thị M2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Nguyệt M1 số tiền 100.931.000 đồng. Thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà M1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Văn H2 và chị M2 chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí :

- Anh Lê Văn H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu 5.046.500đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do anh Văn H2 nộp theo biên lai thu số 36330 ngày 07/3/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên phải nộp tiếp số tiền 4.746.500đồng.

- Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Nguyệt M1 số tiền 3.123.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 36033 ngày 21/11/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh hiếu Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Trần Văn Đạt